

No./Số: .....-GDKQ/BOS-KIS

**ACCOUNT OPENING CONTRACT FOR TRADING DERIVATIVES**  
**(HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH)***(Applicable to foreign Client/ Áp dụng cho Khách hàng nước ngoài)*

Today, ....., at KIS Vietnam Securities Corporation, we are:

*Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 20....., chúng tôi gồm:***PARTY A – THE CLIENT / BÊN A – KHÁCH HÀNG:**

Full name/ *Họ tên/Tên tổ chức*:.....

Date of birth/ *Ngày sinh*: .....

ID/Passport No/Business license No/ *CMND/Hộ chiếu/ĐKKD số*:.....

Date of issue/ *Ngày cấp*: ...../...../..... Place of issue/ *Nơi cấp*: .....

Address/ Head office/ *Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính*: .....

Current address/ *Chỗ ở hiện tại/Địa chỉ liên hệ*:.....

Bank Account No/ *Tài khoản tiền gửi số*:.....at/ *tại ngân hàng*:.....

Telephone/ *ĐT cố định*:.....Fax:.....

Mobile/ *ĐT di động*:.....Email:.....

Representative/ *Người đại diện (theo pháp luật hoặc theo ủy quyền)*: .....

Authorization letter No/ *Giấy ủy quyền số* ..... dated/ *ngày* ..... of/ *của* .....

Trading securities at KIS Account No./ *Số tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường tại KIS*:.....

Trading derivatives at KIS Account No./ *Số tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh tại KIS*:.....

**PARTY B – KIS VIETNAM SECURITIES CORPORATION (KIS)/****BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM (KIS)**Establishment and operation License No.056/UBCK-GPHĐKD issued by State Securities Commission of Viet Nam on July 05<sup>th</sup>, 2007/ *Giấy phép thành lập và hoạt động số: 056/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 05/07/2007.*Head office: 3rd floor, TNR Building, 180-192 Nguyen Cong Tru Str, District 1, Nguyen Thai Binh Ward, HCMC./ *Trụ sở: Tầng 3, 180 - 192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh*Telephone/ *Điện thoại*: (028) 3914.8585 Fax: (028) 3821.6898 Website: www.kisvn.vnTax Code/ *Mã số thuế*: 0305066125Representative/ *Người đại diện*: Mr./*Ông* ..... *Chức vụ*: .....Authorization letter No/ *Theo giấy ủy quyền số*: ..... dated/ *ngày* ..... of General Director/ *của Tổng Giám đốc*

The Parties hereby agree to enter into the Account opening Contract for trading Derivatives (“Contract”) with the following conditions and specific terms stipulated in “Terms and Conditions of the Contract”/ *Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh (“Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện đính kèm theo Hợp đồng này.*

This Contract is an integral part of the Account Opening Contract signed by the Client and KIS, and is made in two (02) copies in both languages, English and Vietnamese with same legal validity, each Party shall keep one copy./ *Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường đã ký kết giữa khách hàng và KIS, và được lập thành hai (02) bản bằng song ngữ, tiếng Anh và Tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.*

The Client confirms that the Client has read, understood, and agreed to perform and commits not to make any complaints or file a lawsuit regarding the terms and conditions of the Contract/ Khách hàng xác nhận đã đọc, hiểu rõ, đồng ý thực hiện và cam kết không có bất cứ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng.

|   |  |
|---|--|
| <p><b>The Client/ Khách hàng</b><br/><i>(Sign, full name and seal, in case of organization/<br/>Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)</i></p> | <p><b>KIS Vietnam Securities Corporation/<br/>Công ty CP chứng khoán KIS Việt Nam</b><br/><i>(Sign and seal/ Ký tên, đóng dấu)</i></p> |
|---|--|

**TERMS AND CONDITIONS OF THE CONTRACT / ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG****ARTICLE 1: DEFINITIONS / ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

- 1.1 “**KIS**”: KIS Vietnam Securities Corporation.  
“**KIS**” là Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam.
- 1.2 “**Derivatives**” refers to the securities stipulated by the current Law on Securities and approved by competent agencies to conduct trading activities on Derivatives market, including:
- Futures contract, including but not limit to Index Futures contract and Government Bond Futures contract;
  - Option;
  - Forward contract;
  - Other Derivatives instructed by the Ministry of Finance.
- “**Chứng khoán phái sinh - CKPS**” là chứng khoán được quy định tại các văn bản pháp luật về chứng khoán hiện hành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thực hiện hoạt động giao dịch trên thị trường CKPS, bao gồm:
- Hợp đồng tương lai (HĐTL), bao gồm nhưng không giới hạn ở hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán và hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ;
  - Quyền chọn;
  - Hợp đồng kỳ hạn;
  - Các CKPS khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.
- 1.3 “**Index Futures contract**” refers to Futures contract, which underlying asset is index.  
“**HĐTL chỉ số chứng khoán**” là HĐTL dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán.
- 1.4 “**Government Bond Futures contract**” refers to Futures contract, which underlying asset is government bond or bond having some basic characteristics of government bond.  
“**HĐTL trái phiếu chính phủ**” là HĐTL dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu giả định có một số đặc trưng cơ bản của trái phiếu Chính phủ.
- 1.5 “**Derivatives account**” refers to account opened at KIS, for the purposes of Derivatives trading.  
“**Tài khoản CKPS**” là tài khoản Khách hàng mở tại KIS, sử dụng cho mục đích giao dịch CKPS.
- 1.6 “**Margins**” refers to the collateral (cash and/or securities) that the Client has to deposit to ensure the performance of obligations.  
“**Tài sản ký quỹ**” là tài sản đảm bảo (gồm tiền và/hoặc chứng khoán được chấp nhận ký quỹ) mà Khách hàng phải nộp để đảm bảo các nghĩa vụ thanh toán giao dịch CKPS của Khách hàng.
- 1.7 “**Initial Margin**” refers to the Client depositing a minimum Margins for the Positions that the Client intends to open prior to the Derivatives transaction.  
“**Ký quỹ ban đầu**” là việc Khách hàng nộp một giá trị ký quỹ tối thiểu đối với các vị thế mà Khách hàng dự kiến mở trước khi thực hiện giao dịch CKPS.
- 1.8 “**Value of Margin Requirement**” is the minimum Margin that the Client must maintain for the number of Positions on a trading account and shall be calculated by Vietnam Securities Depository Center (VSD) and/or KIS.  
“**Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu**” là giá trị ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải duy trì và do Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) và/hoặc KIS tính toán đối với số vị thế CKPS trên một tài khoản giao dịch.
- 1.9 “**Value of valid Margins**” includes balance of the Margin payment accounts and value of Margin portfolio, which is determined by the market price and discount rate under the regulations of VSD and KIS.  
“**Giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ**” bao gồm số dư trên tài khoản tiền gửi ký quỹ và giá trị danh mục chứng khoán ký quỹ được xác định theo giá thị trường và tỷ lệ chiết khấu theo quy chế của VSD và theo quy định của KIS.
- 1.10 “**Margins usage Ratio**” refers to the ratio of the value of Margin Requirement to the total value of valid Margins.  
“**Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ**” là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ký quỹ duy trì yêu cầu so với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ.
- 1.11 “**Settlement price**” refers to the Futures contract’s matching price via trading system of the Stock Exchange, including daily settlement price and final settlement price.  
“**Giá thanh toán**” là giá khớp lệnh giao dịch HĐTL thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán, gồm giá thanh toán cuối ngày và giá thanh toán cuối cùng.
- 1.12 “**Position of Derivative at a certain time**” refers to the trading status and volume of valid Derivatives held by the Client at that time. The Client buys or sells Derivative shall be considered as opening a long Position or short Position of such Derivative.  
“**Vị thế một CKPS tại một thời điểm**” là trạng thái giao dịch và khối lượng CKPS còn hiệu lực mà Khách hàng đang nắm giữ tính tới thời điểm đó. Khách hàng mua hoặc bán một CKPS, được gọi là mở vị thế mua hoặc mở vị thế bán CKPS đó.
- 1.13 “**Opening Position of Derivative**” means the Client holding a valid Derivative, which is not liquidated or settled.  
“**Vị thế mở một CKPS**” thể hiện việc Khách hàng đang nắm giữ CKPS còn hiệu lực, chưa được thanh lý hoặc tất toán.
- 1.14 “**Net Position of Derivative at a certain time**” is determined by the difference between the opened long Position and the opened short Position of this Derivative at the same time.  
“**Vị thế ròng một CKPS tại một thời điểm**” được xác định bằng chênh lệch giữa vị thế mua đã mở và vị thế bán đã mở của CKPS đó tại cùng một thời điểm.
- 1.15 “**Position limit**” refers to the maximum net Position of Derivative, or of such Derivative and other Derivatives having the same underlying asset, which is held by the Client at the same time.  
“**Giới hạn vị thế một CKPS**” là vị thế ròng tối đa của CKPS đó, hoặc của CKPS đó và các CKPS khác dựa trên cùng một tài sản cơ sở mà Khách hàng được quyền nắm giữ tại một thời điểm.

**ARTICLE 2: OBJECTIVES OF THE CONTRACT / ĐIỀU 2: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG**

By signing this Contract, the Client requests and KIS agrees to provide services as follows:

Bằng Hợp đồng này, Khách hàng đề nghị và KIS đồng ý cung cấp các dịch vụ sau đây:

- 2.1 Open a Derivatives account  
Mở Tài khoản CKPS tại KIS
- 2.2 Place orders as required by the Client and provide the Client with trading results/ transaction statements of their Derivatives account  
Đặt lệnh giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng và cung cấp kết quả giao dịch/sao kê giao dịch trên Tài khoản CKPS cho Khách hàng
- 2.3 Manage Positions, Margins and underlying asset to transfer, calculate daily profit and loss and perform contracts  
Quản lý vị thế, tài sản ký quỹ và tài sản cơ sở để chuyển giao, hạch toán lãi lỗ vị thế hàng ngày và thực hiện Hợp đồng
- 2.4 Deposit Margins, clearing Derivatives with VSD on behalf of the Client  
Thay mặt Khách hàng thực hiện ký quỹ, thanh toán bù trừ CKPS với VSD
- 2.5 Other securities services permitted by Vietnamese Law from time to time  
Các dịch vụ khác được pháp luật cho phép tùy từng thời điểm

**ARTICLE 3: MARGINS / ĐIỀU 3: TÀI SẢN KÝ QUỸ**

- 3.1 In order to trade Derivatives, the Client shall deposit cash and/or securities, which are used as Margins in accordance with regulations and accepted by KIS.

Để thực hiện giao dịch CKPS, Khách hàng phải ký quỹ một khoản tiền và/hoặc chứng khoán được phép sử dụng làm tài sản ký quỹ theo quy định của pháp luật và được KIS chấp nhận.

- 3.2 The Client shall be the legal owner of the Margins. Margins shall not be prohibited or restricted to transfer and not be in donation, inheritance, capital contribution transaction or guaranteed for any other obligations, not be in dispute or having potential conflict of ownership rights.  
*Tài sản ký quỹ phải thuộc sở hữu hợp pháp của Khách hàng, không thuộc loại cầm hoặc hạn chế chuyển nhượng và không thuộc đối tượng tham gia vào các giao dịch tặng, cho, thừa kế, góp vốn hoặc đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ khác, không bị tranh chấp hoặc tiềm tàng khả năng tranh chấp về quyền sở hữu.*
- 3.3 The Client shall maintain a cash Margin ratio as required by KIS.  
*Khách hàng phải đảm bảo một tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo quy định của KIS.*

#### ARTICLE 4: TRADING METHODS / ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH

- 4.1 The Client place orders on Derivatives account through the following ways:  
*Khách hàng có thể đặt lệnh giao dịch trên Tài khoản CKPS qua các cách thức sau:*
- Directly place orders at trading counter of KIS by submitting completed order forms provided by KIS or  
*Đặt lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch của KIS bằng cách nộp Phiếu lệnh giao dịch đã điền đầy đủ các thông tin theo mẫu của KIS hoặc*
  - Via phone or  
*Đặt lệnh qua điện thoại hoặc*
  - Via online trading system of KIS or  
*Đặt lệnh qua hệ thống giao dịch trực tuyến của KIS hoặc*
  - Other methods provided by KIS from time to time in accordance with Vietnamese Law  
*Các phương thức khác theo quy định của KIS tùy từng thời điểm phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam*
- 4.2 In the event that the Client authorizes a third Party to place orders, the Client shall:  
*Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho người khác đặt lệnh thì phải:*
- Have authorization letter form provided by KIS and in accordance with the Law. Such authorization shall comply with the Law  
*Có giấy ủy quyền theo quy định của KIS và theo quy định pháp luật. Việc ủy quyền cho người khác đặt lệnh giao dịch phù hợp với quy định pháp luật*
  - Accept trading results and obligations arising from orders placed by the authorized person, and  
*Chấp nhận kết quả và những nghĩa vụ phát sinh từ lệnh do người được ủy quyền đặt, và*
  - Be liable in case of disputes arising between the Client and the authorized person; the Client and the authorized person shall resolve such disputes themselves, and commit and ensure that KIS is not required to participate in the dispute resolution process in any circumstances for any reason. If KIS is required by the Court or by a competent authority, the Client and the authorized person shall be jointly liable for all costs for KIS's participation.  
*Tự chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Bên nhận ủy quyền giao dịch của Khách hàng; Khách hàng và Bên nhận ủy quyền giao dịch tự giải quyết, đồng thời cam kết và đảm bảo không yêu cầu KIS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào với bất kỳ lý do gì. Nếu KIS phải tham gia theo yêu cầu của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền thì Khách hàng và Bên nhận ủy quyền sẽ phải liên đới chịu trách nhiệm chi trả mọi tổn phí của KIS để tham gia.*

#### ARTICLE 5: MONITOR MARGINS USAGE RATIO / ĐIỀU 5: GIÁM SÁT TỶ LỆ SỬ DỤNG TÀI SẢN KÝ QUỸ

In compliance with regulations, KIS establishes the following warning thresholds to monitor the Margins usage Ratio on the Client's Derivatives account:  
*Phù hợp với quy định của pháp luật, KIS thiết lập các mức cảnh báo sau đây để giám sát Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ trên Tài khoản CKPS của Khách hàng:*

- 5.1 Warning threshold 1: The Client is not allowed to open new Positions except for making counter-transactions to close Positions.  
*Cảnh báo mức độ 1: Khách hàng không được mở thêm vị thế mới ngoài trừ thực hiện giao dịch đối ứng để đóng vị thế.*
- 5.2 Warning threshold 2: The Client must supplement Margins or close Positions within the time required by KIS from time to time so that the Margins usage Ratio at least equal to the Ratio of Warning threshold 1.  
*Cảnh báo mức độ 2: Khách hàng phải bổ sung tài sản ký quỹ hoặc đóng các vị thế hiện tại để đưa Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ về mức tối thiểu bằng mức Cảnh báo mức độ 1 trong thời hạn theo yêu cầu của KIS tại từng thời điểm.*
- 5.3 Warning threshold 3: KIS shall immediately suspend Derivatives account and take appropriate measures.  
*Cảnh báo mức độ 3: KIS sẽ ngay lập tức đình chỉ Tài khoản CKPS và thực hiện các biện pháp xử lý phù hợp.*

#### ARTICLE 6: POSITION LIMIT AND FUTURES CONTRACT PERFORMANCE / ĐIỀU 6: GIỚI HẠN VỊ THẾ VÀ THỰC HIỆN HĐTL

- 6.1 **Position limit/ Giới hạn vị thế**  
During the term of this Contract, the Client commits to comply with the regulations on position limit issued by the KIS from time to time and in accordance with the Law. KIS shall notify and take necessary measures when the Client violates position limit.  
*Trong thời hạn của Hợp đồng này, Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định về Giới hạn vị thế do KIS quy định tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định của pháp luật. KIS sẽ thông báo và áp dụng các biện pháp cần thiết khi Khách hàng vi phạm Giới hạn vị thế.*
- 6.2 **Futures contract performance/ Thực hiện HĐTL**  
During the term of this Contract, the Client commits to fulfill all payment obligations arising from the possession of positions on the Derivatives account, including daily settlement, final settlement as regulated by KIS in accordance with the Law.  
*Trong thời hạn của Hợp đồng này, Khách hàng cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ việc sở hữu các vị thế trên Tài khoản CKPS bao gồm thanh toán lãi/lỗ vị thế hàng ngày, thanh toán thực hiện HĐTL khi đáo hạn theo quy định của KIS và phù hợp với quy định của pháp luật.*

#### ARTICLE 7: INCAPABILITY OF SETTLEMENT AND HANDLING INCAPABILITY OF SETTLEMENT / ĐIỀU 7: MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- 7.1 **Incapability of settlement/ Mất khả năng thanh toán**  
Cases considered to be Incapability of settlement  
*Các trường hợp được xem là mất khả năng thanh toán:*
- The Client violates warning threshold on Margins usage Ratio as prescribed in Article 5 of this Contract but does not take any remedies as notified by KIS;  
*Khách hàng vi phạm các mức cảnh báo về Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng này mà không khắc phục theo thông báo của KIS;*
  - The Client violates Position limit, Futures contract performance as prescribed in Article 6 of this Contract but does not take any remedies as notified by KIS;  
*Khách hàng vi phạm về Giới hạn vị thế; vi phạm về việc thực hiện HĐTL theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này mà không khắc phục theo thông báo của KIS;*
  - The Client do not fully and/or promptly perform daily settlement obligation;  
*Khách hàng không thực hiện đầy đủ và/hoặc kịp thời nghĩa vụ thanh toán lãi/lỗ vị thế hàng ngày;*
  - The Client violates any obligations as prescribed in this Contract but does not take any remedies within the time required by KIS.  
*Khách hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này và không khắc phục trong thời hạn quy định của KIS.*
- 7.2 **Handling incapability of settlement/ Xử lý mất khả năng thanh toán**
- 7.2.1 In the event of any Incapability of settlement cases prescribed in Clause 7.1 above, KIS shall choose to take any of the following remedies without the consent of the Client:  
*Khi xảy ra bất kỳ sự kiện mất khả năng thanh toán nào tại khoản 7.1 nêu trên, KIS có quyền lựa chọn áp dụng bất kỳ biện pháp xử lý sau mà không cần có sự đồng ý của Khách hàng:*

- a) Temporarily suspend transactions on Derivatives account of the Client, except for making counter-transactions to close Positions;  
*Tạm ngừng giao dịch đối với Tài khoản CKPS của Khách hàng, ngoại trừ việc thực hiện giao dịch đối ứng để đóng vị thế;*
- b) Close, liquidate a part or all of Positions on Derivatives account of the Client;  
*Đóng, thanh lý một phần hoặc toàn bộ vị thế trên Tài khoản CKPS của Khách hàng;*
- c) Use, sell, transfer, withdraw Margins to pay for the Client's opened Positions. In case of force-selling Margins, the selling price and time shall be decided by KIS;  
*Sử dụng, bán, chuyển giao, rút tài sản ký quỹ của Khách hàng để thanh toán cho các vị thế mở của Khách hàng. Trong trường hợp bán chứng khoán ký quỹ, KIS có quyền bán với giá và thời điểm do KIS quy định;*
- d) Transfer cash and/or securities on sub-accounts to ensure the Client's obligation to supplement Margins and/or payment obligation in accordance with the Law;  
*Lưu chuyển tiền và/hoặc chứng khoán có trên các tiểu khoản của Khách hàng mở tại KIS sang Tài khoản CKPS để đảm bảo nghĩa vụ ký quỹ bổ sung và/hoặc nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng phù hợp quy định pháp luật;*
- e) Other remedies in accordance with the Law./ Các biện pháp xử lý khác phù hợp với quy định pháp luật.
- 7.2.2 After taking remedies prescribed in Clause 7.2 above but the Client's payment obligation still remains, the unpaid amount shall be considered as overdue debt, which the Client has to keep paying KIS. KIS shall send a notice on total outstanding debts to the Client and the Client must confirm the debts within five (05) working days since the date KIS sent the notice.  
*Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm tại khoản 7.2 nêu trên mà vẫn chưa đủ thanh toán các nghĩa vụ của Khách hàng, phần tiền phải thanh toán còn thiếu được xem là nợ quá hạn của Khách hàng và Khách hàng có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho KIS. Tổng dư nợ phải thanh toán sẽ được KIS gửi thông báo đến Khách hàng và Khách hàng có nghĩa vụ phải xác nhận nợ trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày KIS gửi thông báo.*
- 7.2.3 In case of force-selling Margins, the Client shall be liable to perform all arising obligations regarding the sold securities, as well as information disclosure obligation and other obligations as regulated by the Law.  
*Trường hợp KIS buộc phải bán chứng khoán ký quỹ, Khách hàng có trách nhiệm thực hiện tất cả các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán đã bán, như nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.*

## ARTICLE 8: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CLIENT/ ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

### 8.1 Rights of the Client/ Quyền của Khách hàng:

- 8.1.1 Possess and perform the rights and obligations of the owner of cash and securities deposited on Derivatives account;  
*Sở hữu và thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với tiền, chứng khoán ký quỹ trên Tài khoản CKPS;*
- 8.1.2 Receive interest on cash deposited on Derivatives account at the rate decided by KIS from time to time;  
*Được nhận lãi tiền gửi trên số dư tiền ký quỹ cho giao dịch CKPS theo lãi suất do KIS công bố theo từng thời điểm;*
- 8.1.3 Withdraw profit from Position, due payment of Position after fulfill all obligations to KIS;  
*Được rút lãi vị thế, lãi thanh toán đáo hạn các vị thế khi đã thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ cho KIS;*
- 8.1.4 Withdraw and/or change Margins as regulated by KIS in accordance with the Law. However, KIS shall refuse the Client's withdrawal and/or change in Margins if the Client fails to fulfill obligations to KIS;  
*Được rút và/hoặc thay đổi tài sản ký quỹ theo quy định của KIS và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, KIS có quyền từ chối cho Khách hàng rút và/hoặc thay đổi tài sản ký quỹ nếu Khách hàng chưa thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ cho KIS;*
- 8.1.5 Require KIS to provide information about the Client's transactions and account;  
*Yêu cầu KIS cung cấp các thông tin liên quan đến giao dịch và tài khoản của Khách hàng;*
- 8.1.6 Other rights as prescribed in this Contract and in accordance with the Law.  
*Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.*

### 8.2 Obligations of the Client/ Nghĩa vụ của Khách hàng:

- 8.2.1 Provide fully, honestly, promptly information, documents related to the opening of Derivatives account, Margin; and be liable to the accuracy of information, documents provided;  
*Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến việc mở tài khoản, ký quỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;*
- 8.2.2 Make deposit for Initial Margin and supplement Margins as required by KIS in order to ensure the Value of Margin Requirement;  
*Thực hiện ký quỹ ban đầu và ký quỹ bổ sung theo yêu cầu của KIS nhằm đảm bảo Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu;*
- 8.2.3 Regularly check, compare transaction results on transaction date; track Margin balance, Margins usage Ratio, number of Positions on Derivative account;  
*Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu kết quả giao dịch ngay trong ngày phát sinh giao dịch; theo dõi số dư ký quỹ, Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, số lượng vị thế trên Tài khoản CKPS;*
- 8.2.4 Be active to perform fully and promptly obligation to supplement Margins when the Margins usage Ratio reaches Warning threshold as prescribed in Article 5 and/or close, liquidate Positions when the Client violates Position limit as prescribed in Article 6 of this Contract;  
*Chủ động thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ bổ sung tài sản ký quỹ khi Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ đạt ngưỡng cảnh báo theo quy định tại Điều 5 và/hoặc đóng, thanh lý bất vị thế khi vi phạm giới hạn vị thế theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng này;*
- 8.2.5 Fully and promptly pay for all loss from opened Positions and final settlement;  
*Thanh toán đầy đủ và kịp thời mọi khoản lỗ phát sinh từ vị thế đã mở và thanh toán thực hiện HĐTL khi đáo hạn;*
- 8.2.6 Fully and promptly pay for all fees, taxes and other costs related to the performance of Derivatives transaction regulated by KIS in accordance with the Law;  
*Thanh toán đầy đủ và kịp thời phí giao dịch, thuế và các khoản chi phí khác liên quan đến việc thực hiện giao dịch CKPS của Khách hàng theo quy định của KIS phù hợp với quy định của pháp luật;*
- 8.2.7 Disclose information as regulated by Law;  
*Thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trong trường hợp Khách hàng là hoặc sẽ là đối tượng phải công bố thông tin;*
- 8.2.8 Indemnify KIS for all damages from the violations of the Client and/or damages which are not caused by KIS;  
*Bồi thường cho KIS tất cả các thiệt hại phát sinh do Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ của Hợp đồng này và/hoặc gây thiệt hại cho KIS mà không do lỗi của KIS;*
- 8.2.9 Immediately notify KIS within twenty four (24) hours of the date of discovery of the mistake or inaccuracy related to the transaction and information of the Client's account. After this time, KIS shall not bear any responsibilities for any complaints of the Client related to the transaction results and the Client is deemed to accept the transaction result as stipulated in this Contract;  
*Thông báo ngay cho KIS trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm phát hiện có sự sai sót liên quan đến giao dịch và thông tin tài khoản của Khách hàng. Quá thời hạn này, KIS không chịu trách nhiệm giải quyết bất kỳ khiếu nại nào của Khách hàng liên quan kết quả giao dịch và Khách hàng được coi là chấp nhận kết quả giao dịch như quy định của Hợp đồng này;*
- 8.2.10 Other obligations as prescribed in this Contract in accordance with the Law.  
*Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.*

## ARTICLE 9: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF KIS/ ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KIS

### 9.1 Rights of KIS/ Quyền của KIS

- 9.1.1 Use Margins of the Client to deposit to VSD for opening Positions;  
*Sử dụng tài sản ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSD đối với vị thế mở của Khách hàng;*
- 9.1.2 Receive fees from services provided to the Client for trading Derivatives under the fee tariff, which is notified by KIS from time to time;  
*Thu phí từ những dịch vụ KIS đã cung cấp để Khách hàng thực hiện giao dịch CKPS theo biểu phí và lãi suất được KIS thông báo tại từng thời điểm;*
- 9.1.3 On behalf of the Client, perform the works within the scope of authorization prescribed in Clause 14.1, Article 14 of this Contract;  
*Thay mặt Khách hàng thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền quy định tại khoản 14.1 Điều 14 Hợp đồng này;*
- 9.1.4 Request the Client to submit fully and promptly Initial Margins before placing orders and/or supplement Margins according to “Call Margin Request” and/or pay for daily settlement according to “Daily settlement Request” while maintaining Positions or pay for final settlement;  
*Yêu cầu Khách hàng nộp đầy đủ, kịp thời tài sản ký quỹ ban đầu trước khi đặt lệnh và/hoặc bổ sung tài sản ký quỹ theo “Lệnh gọi ký quỹ bổ sung” và/hoặc thanh toán lãi lỗ vị thế hàng ngày theo “Yêu cầu thanh toán lãi/lỗ vị thế hàng ngày” trong quá trình duy trì vị thế hoặc thanh toán đảo hạn HĐTL;*
- 9.1.5 Deal with Margins, opened Positions on Derivatives account of the Client and other assets on trading account (sub 00) in order to recover the debts in case the Client fails to perform payment obligations;  
*Xử lý tài sản ký quỹ, vị thế đang mở trên Tài khoản CKPS của Khách hàng và tài sản khác trên tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường để thu hồi nợ trong trường hợp Khách hàng không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho các giao dịch CKPS của Khách hàng;*
- 9.1.6 Debit, credit, transfer, deposit, withdraw cash on the Client’s sub-accounts to pay for transactions, fees and other obligations of the Client;  
*Tự động ghi nợ, ghi có, chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền trên các tiểu khoản của Khách hàng tại KIS để thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí và các nghĩa vụ khác của Khách hàng;*
- 9.1.7 Unilaterally determine, adjust Initial Margins, Value of Margin Requirement, term of Margin, the amount of Margins to be supplemented, supplementing Margins methods, time limit for supplementing Margins; change/transfer Margins, Margin portfolio, cash deposit rate, Margins usage Ratio, Position limit,....from time to time without the consent of the Client;  
*Đơn phương xác định lại, điều chỉnh các giá trị ký quỹ ban đầu, Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu, thời hạn ký quỹ, mức bổ sung ký quỹ, phương thức bổ sung ký quỹ, thời hạn bổ sung ký quỹ, thay đổi/chuyển giao tài sản ký quỹ, danh mục chứng khoán được phép ký quỹ, tỷ lệ ký quỹ bằng tiền, Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, Giới hạn vị thế, ... tùy từng thời điểm mà không cần có sự đồng ý của Khách hàng;*
- 9.1.8 Refuse to perform a request or trading order of the Client if KIS realizes that such request or trading order violates/is likely to violate the Law and/or regulations of KIS;  
*Từ chối thực hiện các yêu cầu hoặc lệnh giao dịch CKPS của Khách hàng nếu KIS nhận thấy yêu cầu hoặc lệnh giao dịch CKPS đó vi phạm hoặc tiềm ẩn nguy cơ vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc các quy định liên quan của KIS;*
- 9.1.9 Other rights as prescribed in this Contract and in accordance with the Law.  
*Các quyền khác được quy định trong Hợp đồng này và quy định của pháp luật.*
- 9.2 Obligations of KIS/ Nghĩa vụ của KIS**
- 9.2.1 Strictly comply with this Contract, Appendixes, agreements on amendments, supplements of the Contract and other attached documents (if any);  
*Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này, Phụ lục hợp đồng, văn bản thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng và tài liệu kèm theo (nếu có);*
- 9.2.2 Keep information, documents related to Derivatives transactions of the Client confidential, except for providing to competent authorities as required by Law;  
*Bảo mật các thông tin, tài liệu liên quan đến giao dịch CKPS của Khách hàng, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;*
- 9.2.3 Provide information, documents related to Derivatives transactions of the Client as required by the Client;  
*Cung cấp các thông tin liên quan đến giao dịch và tài khoản CKPS theo yêu cầu của Khách hàng;*
- 9.2.4 Indemnify the Client for all damages from the violations of KIS and/or damages which are not caused by the Client;  
*Bồi thường thiệt hại đầy đủ cho Khách hàng trong trường hợp KIS vi phạm các nghĩa vụ của Hợp đồng này và/hoặc gây thiệt hại cho Khách hàng mà không phải do lỗi của Khách hàng;*
- 9.2.5 Other obligations as prescribed in this Contract in accordance with the Law.  
*Các nghĩa vụ khác được quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.*

## ARTICLE 10: RISK MANAGEMENT WHEN KIS IS INCAPABLE OF SETTLEMENT / ĐIỀU 10: XỬ LÝ RỦI RO KHI KIS MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN

In case KIS is incapable of settlement, or suspended, subjected to dissolution, bankruptcy, Margins of the Client shall only be used to perform financial obligations related to Derivatives transaction of the Client. The remaining assets after completing all payment obligations shall be refunded to the Client.  
*Trường hợp KIS mất khả năng thanh toán, hoặc bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản, tài sản ký quỹ của Khách hàng chỉ được sử dụng để thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ giao dịch CKPS của Khách hàng. Phần tài sản còn lại sau khi đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng sẽ được KIS hoàn trả lại cho Khách hàng.*

## ARTICLE 11: NOTICE / ĐIỀU 11: THÔNG BÁO

- 11.1 During the term of this Contract, occurrence of any events that makes the Margins usage Ratio reach the Warning thresholds as prescribed in Article 5 and/or the Client violates Position limit as prescribed in Article 6 of this Contract, KIS shall send a “Call Margin Request” and/or “Close Position Request” to the Client. The Client is obliged to supplement Margins and/or close, liquidate Positions within the time limit as required by KIS to ensure the Value of Margin Requirement and/or Position limit.  
*Trong thời hạn Hợp đồng, bất kỳ lúc nào xảy ra các trường hợp làm cho Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ của Khách hàng đạt ngưỡng cảnh báo theo quy định tại Điều 5 và/hoặc vi phạm giới hạn vị thế theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này, KIS sẽ gửi tới Khách hàng “Lệnh gọi ký quỹ bổ sung” và/hoặc “Lệnh yêu cầu đóng vị thế”. Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung thêm tài sản ký quỹ và/hoặc đóng, thanh lý vị thế theo đúng thời gian quy định của KIS để bảo đảm Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu và/hoặc giới hạn vị thế.*
- 11.2 During the term of this Contract, KIS shall send a “Daily settlement Request” to the Client. The Client must deposit cash on Derivatives account and/or close Positions to pay for the daily loss from Positions within the time limit as required by KIS to maintain Positions.  
*Trong thời hạn Hợp đồng, KIS sẽ gửi tới Khách hàng “Yêu cầu thanh toán lãi lỗ vị thế hàng ngày”. Khách hàng có nghĩa vụ nộp tiền vào Tài khoản CKPS và/hoặc đóng bớt vị thế để thanh toán cho các khoản lãi lỗ vị thế hàng ngày theo đúng thời gian quy định của KIS nhằm duy trì vị thế.*
- 11.3 KIS shall send a notice about services provided, such as fee tariff, policies of KIS, rights and obligations of the Client and other related information to the Client via one or some of the following forms: express delivery to the registered address, SMS messages, fax, email, phone (according to the contact information mentioned in page 1 of this Contract or registered in writing or registered on the online trading system in case of changing the contact information), via online trading system or website of KIS... Such notice shall be considered to be valid.  
*KIS sẽ thông báo cho Khách hàng các thông tin về dịch vụ của KIS, biểu phí, các chính sách của KIS, các thông tin về quyền lợi và nghĩa vụ của Khách hàng và các thông tin liên quan khác thông qua một hoặc một số hình thức sau: chuyển phát nhanh đến địa chỉ liên hệ, tin nhắn SMS, fax, email, điện thoại (theo thông tin liên hệ của Khách hàng được nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc theo đăng ký bằng văn bản hoặc đăng ký trên hệ thống giao dịch trực tuyến trong trường hợp có thay đổi thông tin liên hệ của Khách hàng), thông báo trên Hệ thống giao dịch trực tuyến hoặc đăng tải trên website của KIS... đều được xem là hợp lệ.*
- 11.4 The Client shall be considered to receive notice from KIS when: KIS has sent SMS messages and/or email to the Client; KIS has saved the sound record from the phone; KIS has uploaded the notice on online trading system or website of KIS; the Client has signed a receipt.

Khách hàng được xem là đã nhận được thông báo của KIS tại thời điểm: KIS đã gửi tin nhắn SMS và/hoặc email cho Khách hàng; KIS lưu bản ghi âm đối với điện thoại; KIS đăng thông báo trên Hệ thống giao dịch trực tuyến hoặc trên website của KIS; Khách hàng ký nhận đối với thư chuyển phát nhanh.

- 11.5 The Client is liable to maintain the registered contact information so that the express delivery can always reach the registered address; mails can be received, phone numbers can be contacted at any time. The Client shall register to change contact information to KIS in writing or via online trading system once the change occurs. From the time KIS records the change, communication between the Parties shall be made via new address/email/phone numbers.

Khách hàng có trách nhiệm duy trì những thông tin liên lạc đã đăng ký với KIS tại phần đầu của Hợp đồng này như: địa chỉ liên hệ, địa chỉ email, số điện thoại....., luôn trong tình trạng: địa chỉ liên hệ có thể nhận được thư chuyển phát, email có thể nhận được thư điện tử, số điện thoại có thể liên hệ được bất kỳ lúc nào. Khách hàng phải đăng ký thay đổi thông tin với KIS bằng văn bản hoặc đăng ký trên hệ thống giao dịch trực tuyến ngay khi có sự thay đổi. Kể từ thời điểm KIS ghi nhận sự thay đổi đó, liên lạc giữa hai bên sẽ được thực hiện qua địa chỉ liên hệ/ email/ số điện thoại mới.

- 11.6 KIS shall be exempt from liabilities under any circumstances where the Client does not maintain the registered contact information and/or does not provide promptly once the change of such information occurs, which may lead to the loss of contact and/or where the Client intentionally refuses to receive notice from KIS. In this case, the Client commits not to complain or file a lawsuit against KIS and shall bear the responsibilities for the Client's fault.

KIS được miễn trừ trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào Khách hàng không duy trì những thông tin liên lạc đã đăng ký và/hoặc không cung cấp kịp thời khi có sự thay đổi thông tin liên lạc theo thỏa thuận tại Điều này, dẫn đến việc thông báo từ KIS bị thất lạc, không đến được người nhận và/hoặc Khách hàng tự ý từ chối nhận thông báo từ KIS. Trong trường hợp này, Khách hàng cam kết không khiếu nại, khiếu kiện đối với KIS và tự chịu trách nhiệm do lỗi của mình.

- 11.7 The Client is liable to actively check and perform all obligations as prescribed in this Contract. The Client's failure to receive notice from KIS shall not be considered to be a good reason for the Client to postpone the performance of the Client's obligations as well as for KIS to postpone the performance of necessary remedies as prescribed in this Contract.

Khách hàng có trách nhiệm chủ động theo dõi và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng này. Việc Khách hàng không nhận được thông báo của KIS không phải là căn cứ để KIS phải hoãn thực hiện các biện pháp xử lý cần thiết hoặc là căn cứ để Khách hàng trì hoãn thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng.

## ARTICLE 12: GOVERNING LAW AND DISPUTE RESOLUTION / ĐIỀU 12: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 12.1 This Contract and other contents related to Derivatives trading but not mentioned in this Contract will be governed by and construed in accordance with the laws of Socialist Republic of Vietnam.

Hợp đồng này và những nội dung khác liên quan đến việc giao dịch CKPS nhưng không được đề cập trong Hợp đồng này sẽ được điều chỉnh và hiểu theo pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- 12.2 Any disputes related to this Contract, if any, shall be resolved by negotiation. In case of failure to reach an agreement through negotiation, either Party may submit to the competent courts of the Socialist Republic of Vietnam for settlement.

Các tranh chấp phát sinh giữa Khách hàng và KIS được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa hai bên. Trong trường hợp thương lượng không thành, các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giải quyết.

## ARTICLE 13: TERMINATION OF THE CONTRACT / ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 13.1 This Contract shall be terminated in the following cases/ Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

- 13.1.1 As required by the Client after the Client has fulfilled all obligations to KIS;

Theo yêu cầu của Khách hàng sau khi Khách hàng đã hoàn thành đầy đủ mọi nghĩa vụ với KIS;

- 13.1.2 The Client violates any terms and conditions of this Contract and Appendixes. In this case, KIS has the right to immediately terminate the Contract.

However, KIS may decide to support the Client to take remedies by sending notice on the time limit for taking remedies. Such time limit may be extended as decided by KIS. KIS shall immediately terminate the Contract if the Client fails to do so within the time limit of such notice;

Khách hàng vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào của Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng. Trong trường hợp này, KIS có quyền đơn phương chấm dứt ngay lập tức Hợp đồng.

Tuy nhiên, KIS có thể tùy theo quyết định của riêng mình để tạo điều kiện cho Khách hàng khắc phục, sẽ có thể lựa chọn giải pháp gửi thông báo cho Khách hàng về thời hạn thực hiện sửa chữa/ khắc phục vi phạm. Thời hạn yêu cầu sửa chữa/ khắc phục vi phạm quy định tại Điều này có thể được gia hạn tùy vào quyết định của KIS. KIS sẽ chấm dứt ngay lập tức Hợp đồng nếu Khách hàng không thực hiện sửa chữa/ khắc phục vi phạm trong thời hạn được KIS thông báo;

- 13.1.3 The Client is an individual who dies or is declared dead, missing by the court or has lost his/her legal capacity or has serious difficulty in finance; The Client is an organization which has serious difficulty in finance and/or has lost entity status and/or subjected to dissolution, bankruptcy, suspension of operation, or its license is revoked or violates regulations on securities, money laundering...

Khách hàng là cá nhân chết, bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích hoặc có dấu hiệu khó khăn nghiêm trọng về tài chính; Khách hàng là tổ chức có các khó khăn lớn về tài chính dẫn đến năng lực tài chính bị ảnh hưởng nghiêm trọng và/hoặc mất tư cách pháp nhân, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy phép hoạt động, bị giải thể, phá sản, có các hành vi vi phạm pháp luật như: vi phạm pháp luật chứng khoán, rửa tiền ....;

- 13.1.4 KIS is subjected to dissolution, bankruptcy, suspension of operation, or its license is revoked;

KIS bị giải thể, phá sản, bị đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

- 13.1.5 Other cases as prescribed by Law or decision of competent authorities, which does not allow the Parties to keep performing this Contract.

Theo quy định của luật pháp hiện hành hoặc quyết định của các cơ quan có thẩm quyền mà theo đó các bên không được phép tiếp tục thực hiện các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

### 13.2 Consequences of termination of the Contract/ Hậu quả của việc chấm dứt Hợp đồng:

- 13.2.1 In case the Contract is terminated for any reasons, the Parties shall liquidate the Contract within five (05) working days since the date of notice. The Contract shall only be considered to be liquidated after the Parties have fulfilled their obligations related to this Contract.

Trong trường hợp Hợp đồng bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì, các Bên có nghĩa vụ thực hiện thanh lý Hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Hợp đồng chỉ được coi là thanh lý xong khi các Bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ, trách nhiệm của mình phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Hợp đồng này.

- 13.2.2 Even if the Contract is terminated, all remaining obligations of the Client under the Contract will be reserved and shall be considered to be completed only when the Client has fulfilled all obligations to KIS.

Ngay cả trong trường hợp Hợp đồng được chấm dứt, tất cả các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng đối với KIS theo Hợp đồng sẽ được bảo lưu và sẽ chỉ được xem như hoàn tất khi Khách hàng đã thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đó với KIS.

## ARTICLE 14: DEFAULT COMMITMENT / ĐIỀU 14: CAM KẾT CHUNG

- 14.1 By signing this Contract, the Client authorizes KIS to/ Bằng Hợp đồng này Khách hàng ủy quyền cho KIS:

- 14.1.1 Manage, perform daily settlement, final settlement; transfer Margins from Derivatives account to VSD or withdraw Margins from VSD to Derivatives account to ensure the performance of rights and obligations of the Client;

Quản lý, thực hiện thanh toán bù trừ, thanh toán lãi lỗ hàng ngày, thanh toán đáo hạn, tự động chuyển tài sản ký quỹ Khách hàng đã nộp vào Tài khoản CKPS sang VSD hoặc rút tài sản ký quỹ từ VSD về Tài khoản CKPS nhằm đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Khách hàng;

- 14.1.2 Within three (03) working days from the transaction date, if the Client or the authorized person of the Client does not directly sign on order forms, the Client shall authorize KIS to sign such order forms on behalf of the Client and commit not to complain or file a lawsuit over notified transaction results. The Client agrees to let KIS appoint a representative to sign on such order forms and take other necessary measures to complete transactions of the Client;  
*Trong trường hợp sau ba (03) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh giao dịch mà Khách hàng hoặc người được ủy quyền hợp pháp không trực tiếp ký tên vào các Phiếu lệnh, Khách hàng đồng ý để KIS chủ động thay mặt Khách hàng ký các Phiếu lệnh liên quan đến giao dịch CKPS và cam kết không khiếu nại, khiếu kiện hay tranh chấp với kết quả giao dịch được thông báo. Khách hàng cũng đồng ý việc KIS cử người đại diện để thay mặt KIS ký Phiếu lệnh và thực hiện mọi biện pháp cần thiết khác cho Khách hàng để hoàn thành giao dịch;*
- 14.1.3 Decide on remedies to be taken when the Client violates the terms of this Contract on behalf of the Client;  
*Thay mặt Khách hàng toàn quyền quyết định xử lý Tài khoản CKPS của Khách hàng tại KIS khi Khách hàng vi phạm các thỏa thuận tại Hợp đồng này;*
- 14.1.4 On behalf of the Client, deduct cash from trading account and Derivatives account to pay for taxes, fees and other financial obligations as regulated by the Law on transactions made by the Client or KIS as required by the Client;  
*Thay mặt Khách hàng trích tiền trên các tài khoản của Khách hàng tại KIS để thanh toán cho các khoản thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật đối với các giao dịch CKPS do Khách hàng và/hoặc KIS thực hiện theo yêu cầu của Khách hàng;*
- 14.1.5 Provide information related to the account as regulated by the Law or as required by competent authorities;  
*Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định pháp luật hoặc yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;*
- 14.1.6 Other authorized contents as prescribed in this Contract and attached documents are firm and irrevocable commitments until the Client has fulfilled all obligations to KIS and liquidate this Contract.  
*Các nội dung Khách hàng ủy quyền cho KIS trong Hợp đồng này và các tài liệu đính kèm là cam kết chắc chắn và không hủy ngang cho đến khi Khách hàng hoàn thành nghĩa vụ đối với KIS và thanh lý Hợp đồng này.*
- 14.2 The Client commits to be consulted, instructed and explained clearly about the Derivatives trading method; understands clearly about regulations on Derivatives; accepts the risks and bears the responsibilities related to such risks.  
*Khách hàng cam kết đã được KIS tư vấn, hướng dẫn và giải thích rõ cách thức thực hiện giao dịch CKPS; đã hiểu rõ các quy định pháp luật về CKPS, chấp nhận các rủi ro phát sinh khi thực hiện giao dịch CKPS và tự chịu trách nhiệm liên quan đến các rủi ro đó.*

#### ARTICLE 15: EFFECTIVENESS OF THE CONTRACT / ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- 15.1 This Contract is effective from the date of signing and terminated as prescribed in Article 13 of this Contract.  
*Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt theo quy định tại Điều 13 trên đây.*
- 15.2 This Contract is made in both languages, Vietnamese and English. The Vietnamese version is the original language while the English version is a translation for information purposes only. In the event of conflicts, differences in semantics, the Vietnamese version shall prevail and therefore be binding on both Parties.  
*Hợp đồng này được lập bằng song ngữ, tiếng Anh và tiếng Việt. Trong đó, Tiếng Việt được xem là ngôn ngữ gốc của Hợp đồng, tiếng Anh được sử dụng cho mục đích dịch thuật thông tin. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn, khác biệt về ngữ nghĩa, tiếng Việt sẽ là ngôn ngữ được ưu tiên sử dụng và có giá trị ràng buộc đối với các bên.*
- 15.3 All amendments, supplements, adjustments related to this Contract shall only be effective when it is made in writing and signed by legal representatives of the Parties. All amendments, supplements, adjustments related to this Contract (if any) shall be an integral part of this Contract and binding on the Parties.  
*Mọi sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh liên quan đến Hợp đồng này chỉ có hiệu lực khi được lập thành văn bản và có đầy đủ chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các văn bản sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Hợp đồng này (nếu có) sẽ cấu thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng và ràng buộc trách nhiệm với các bên.*
- 15.4 If any terms, Appendixes are void or unenforceable under Vietnamese Law, the validity, legality and enforceability of the remaining terms and Appendixes of this Contract will not be affected in any way and will be binding on the Parties. The Parties shall negotiate new terms to replace the void/unenforceable terms.  
*Trong trường hợp bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này bị vô hiệu, thì các điều khoản còn lại vẫn có giá trị pháp lý độc lập và bắt buộc thực hiện đối với các Bên. Các bên sẽ thỏa thuận, thống nhất điều khoản mới để thay thế điều khoản bị vô hiệu.*
- 15.5 The Parties commit to comply with the terms of the Contract.  
*Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng.*

This Contract consists of fifteen (15) Articles and Appendixes, made into two (02) copies with the same legal validity, each Party shall keep one (01) copy.  
*Hợp đồng này gồm mười lăm (15) Điều và các Phụ lục, được lập thành hai (02) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.*